

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.24

Group
B16
Round
5
Board
1

WHITE Shen, Fuyan						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Tengmudalai, Ganbat						FED MGL			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bh4	Be7	41			61		
2	c4	e6	22	Bf4		42			62		
3	Nf3	d5	23			43			63		
4	Nc3	Bb4	24			44			64		
5	cd	cd	25			45			65		
6	Bg5	h6	26			46			66		
7	Bb4	0-0	27			47			67		
8	e3	c6	28			48			68		
9	d2	Re8	29			49			69		
10	Bd3	Bd6	30			50			70		
11	0-0	Nbd7	31			51			71		
12	Re1	a5	32			52			72		
13	a3	Be7	33			53			73		
14	Bg3	Nf8	34			54			74		
15	h3	Be6	35			55			75		
16	Ne5	Rc8	36			56			76		
17	Qb3	b5	37			57			77		
18	Qc2	Ng8	38			58			78		
19	x4	Nb6	39			59			79		
20	Bd2	Bd6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.24

Group
B16
Round
5
Board
1

WHITE Shen, Fuyan						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK Tengmudalai, Ganbat						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bh4	Be7	41			61		
2	c4	e6	22	Bf2		42			62		
3	Nf3	d5	23			43			63		
4	Nc3	Bb4	24			44			64		
5	cd	ed	25			45			65		
6	Bg5	h6	26			46			66		
7	Bb4	0-0	27			47			67		
8	e3	c6	28			48			68		
9	Qc2	Re8	29			49			69		
10	Bd3	Bd6	30			50			70		
11	0-0	Nbd7	31			51			71		
12	Re1	a5	32			52			72		
13	a3	Be7	33			53			73		
14	Bg3	Nf8	34			54			74		
15	h3	Be6	35			55			75		
16	Ne5	Rc8	36			56			76		
17	Qb3	b5	37			57			77		
18	Qc2	Ng8	38			58			78		
19	f4	Nb6	39			59			79		
20	Bf2	Bd6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group B16
Round 5
Board 2

WHITE Dang Thai Vu						FED VIE		RESULT (W) 0			
BLACK Zhong Taoyu						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bd5	Nf6	41			61		
2	Nf3	c6	22	Nd7	a5	42			62		
3	c4	Nf6	23	Nd3	Qc2	43			63		
4	Qb3	e6	24	Nb4	a6	44			64		
5	Bg5	Be7	25	aab	b3	45			65		
6	e3	0-0	26	Rd5	Qb2	46			66		
7	Nbd2	h6	27	e4	Nd5	47			67		
8	Bh4	Nbd7	28	Qb6	Nor	48			68		
9	Be2	dc	29	Rh1	Re1	49			69		
10	Bc4	b5	30	g3	Rf1	50			70		
11	Be2	Bb7	31	h2	Rh1	51			71		
12	0-0	a6	32	h2	Nd4	52			72		
13	a4	Rc8	33			53			73		
14	Rac1	Nb6	34			54			74		
15	ab	cb	35			55			75		
16	Rc8	Qc8	36			56			76		
17	Ne5	Bd5	37			57			77		
18	Qd1	Qc7	38			58			78		
19	Bf3	Rc8	39			59			79		
20	Qa1	Bb4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Vu			SIGNATURE (BLACK) Zhong Taoyu			SIGNATURE (ARBITER) Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24-8

Group B16
Round 5
Board 2

WHITE Dang Thai Vu						FED VIE		RESULT (W) 0			
BLACK Zhong Taoyu						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Td5	Nf6	41			61		
2	Nf3	c6	22	Md5	Qa5	42			62		
3	c4	Nf6	23	Md3	Hc2	43			63		
4	Qb3	e6	24	Mb4	ab	44			64		
5	Bg5	Be7	25	Hd6	b3	45			65		
6	e3	0-0	26	Qb5	Qb2	46			66		
7	Mbd2	h6	27	e4	Nc3	47			67		
8	Td4	Mbd7	28	Hb6	Me2	48			68		
9	Te2	dc	29	Vh1	Xc1	49			69		
10	Tc4	b5	30	g3	Xf1	50			70		
11	Te2	Tb7	31	Vg2	Xf2	51			71		
12	0-0	a6	32	Vf2	Mf9	52			72		
13	a4	Xc8	33			53			73		
14	Xac1	Mb6	34			54			74		
15	ab	cb	35			55			75		
16	Xc8	Hc8	36			56			76		
17	Me5	Bd5	37			57			77		
18	Hd1	Hc7	38			58			78		
19	Tf3	Xc8	39			59			79		
20	Hd1	Tb4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Vu			SIGNATURE (BLACK) Zhong Taoyu			SIGNATURE (ARBITER) Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

B16-8-3 17:43

Group B16											
Round 5											
Date Aug 24, 2024											
Board 3											
WHITE Jaymied Bel						FED PHI		RESULT (W)		V2	
BLACK Thorvin Shiva Shanmugam						FED MAS		RESULT (B)		V2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	b5	Nc5	41	Nd7	f4	61	Kd1	Kf2
2	Nf3	Nc6	22	Qc4	cxb5	42	Nac5	Kc3	62	Kd3	Kg3
3	Bc4	Nf6	23	Qxb5	Ra6	43	Nc6	e5	63	Kc3	Kg4
4	d3	Bc5	24	Rb1	Rd8	44	g5	g3	64	Kc4	Kg3
5	c3	d6	25	Re2	Rc6	45	Kg6	Rc8	65	Nf5	Kg4
6	O-O	Bb6	26	Nd2	g6	46	g4	g4	66	Nc5	Kg5
7	Re1	h6	27	Naf1	b6	47	Kf5	Rh8	67	Nf5	Kd4
8	a4	a5	28	f3	Nc4	48	Nd4	Rh6	68	N3b4	Kg5
9	Be3	Ba7	29	Kc3	Kc3	49	Nc5	Rh7	69	Kd5	Kd2
10	Nb6	O-O	30	Rxc3	Qxb6	50	f6	Rh8	70	Kd4	Kg5
11	h3	Ne7	31	Rd2	Nxh2	51	Nd6	Re8	71	Kc5	Kg4
12	d4	Ng6	32	Qxb2	Qb8	52	Kg5	Kf2	72	Kc4	Kg5
13	b4	Bb6	33	Kg1	Qxh5	53	f5	Rd8	73	Kf3	Kf5
14	Qb3	c6	34	Nf4	Qb2	54	Nh4	Rf8	74	Kg3	Kg5
15	dxc5	dxc5	35	Qxb2	Rxb2	55	f4	Rd4	75	Nd4	Kf5
16	Nf1	Bc3	36	Nd7	Rb5	56	Kc4	Kc2	76	Nc4	Kf4
17	Rxc3	Qc7	37	Nc2	Kf2	57	Kc4	Kf2	77	Kf4	Kf5
18	Rd1	Nf4	38	Nc3	Rxh5	58	Nf3	Kg3	78	Nf3	Kg6
19	Ng3	Bc6	39	Nb6	Rc5	59	Kf5	Kf2	79	Nh4	Kf5
20	Bxc6	Nxc6	40	Nc4	Rc4	60	Kf4	Kc2	80	Nf3	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Jaymied Bel				Thorvin Shiva Shanmugam				Can			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

B16-5-3 17:43

Group B16											
Round 5											
Date Aug 24, 2024											
Board 3											
WHITE Jaymied Bel						FED PHI		RESULT (W)		V2	
BLACK Jaymied Bel						FED MAS		RESULT (B)		V2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kg6	Kc5	21	Kh7	Nf8	41			61		
2	h4	Nf4	22	Kh6	Nf4	42			62		
3	Kf7	Nh5	23	Kh7	Nf5	43			63		
4	Kg6	Nh4	24	Kg8	Kb6	44			64		
5	Nh7	Kc5	25	Ka8	Nd6	45			65		
6	Kg7	Nc5	26	Kb8	Nc4	46			66		
7	Kf8	Kf6	27	Ka8	Ng5	47			67		
8	h5	Nf7	28	Kb8	Nh7	48			68		
9	h6	Nd6	29	Kh8	Ng5	49			69		
10	h7	Ng4	30	Kb8	Nc6	50			70		
11	Kg8	Nc7	31	Kh8	Nh5	51			71		
12	Kf6	Ng4	32	Kb8	Nh7	52			72		
13	Kg8	Nf7	33	Nh5	Ka8	53			73		
14	h7	Nf8	34			54			74		
15	Kh7	Nf7	35			55			75		
16	Kg8	Nd8	36			56			76		
17	Kh7	Nc4	37			57			77		
18	Kh6	Kf5	38			58			78		
19	Kh5	Ng4	39			59			79		
20	Kh4	Kf6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Jaymied Bel								Can			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

B16-5-3 17:43

Group B16											
Round 5											
Date Aug 24, 2024											
Board 3											
WHITE Piel Jaymied						FED PHI		RESULT (W)		V2	
BLACK S. Charvin						FED MAS		RESULT (B)		V2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	b5	Nc5	41	Kc6	Kd7	61	Kc2	Kc4
2	Nf3	Nc6	22	Qc4	cxb5	42	f4	Nd3	62	Kc2	Kc4
3	Bc4	Nf6	23	Qxb5	Ra6	43	Kc3	Nc6	63	Kc3	Kc4
4	d3	Bc5	24	Rb1	Rd8	44	Kc3	Kc3	64	Kc3	Kc4
5	c3	d6	25	Re2	Rc6	45	Kc3	Kc3	65	Kc3	Kc4
6	O-O	Bb6	26	Nd2	g6	46	Kc3	Kc3	66	Kc3	Kc4
7	Re1	h6	27	Naf1	b6	47	Kc3	Kc3	67	Kc3	Kc4
8	a4	a5	28	f3	Nc4	48	Kc3	Kc3	68	Kc3	Kc4
9	Be3	Ba7	29	Kc3	Kc3	49	Kc3	Kc3	69	Kc3	Kc4
10	Nb6	O-O	30	Rxc3	Qxb6	50	Kc3	Kc3	70	Kc3	Kc4
11	h3	Ne7	31	Rd2	Nxh2	51	Kc3	Kc3	71	Kc3	Kc4
12	d4	Ng6	32	Qxb2	Qb8	52	Kc3	Kc3	72	Kc3	Kc4
13	b4	Bb6	33	Kg1	Qxh5	53	Kc3	Kc3	73	Kc3	Kc4
14	Qb3	c6	34	Nf4	Qb2	54	Kc3	Kc3	74	Kc3	Kc4
15	dxc5	dxc5	35	Qxb2	Rxb2	55	Kc3	Kc3	75	Kc3	Kc4
16	Nf1	Bc3	36	Nd7	Rb5	56	Kc3	Kc3	76	Kc3	Kc4
17	Rxc3	Qc7	37	Nc2	Kf2	57	Kc3	Kc3	77	Kc3	Kc4
18	Rd1	Nf4	38	Nc3	Rxh5	58	Kc3	Kc3	78	Kc3	Kc4
19	Ng3	Bc6	39	Nb6	Rc5	59	Kc3	Kc3	79	Kc3	Kc4
20	Bxc6	Nxc6	40	Nc4	Rc4	60	Kc3	Kc3	80	Kc3	Kc4
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Piel Jaymied				S. Charvin				Can			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

B16-5-3 17:43

Group B16											
Round 5											
Date Aug 24, 2024											
Board 3											
WHITE Piel Jaymied						FED PHI		RESULT (W)		V2	
BLACK S. Charvin						FED MAS		RESULT (B)		V2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kc6	Kc5	21	Kh7	Nf8	41			61		
2	h4	Nf4	22	Kh6	Nf4	42			62		
3	Kf7	Nh5	23	Kh7	Nf5	43			63		
4	Kg6	Nh4	24	Kg8	Kb6	44			64		
5	Nh7	Kc5	25	Ka8	Nd6	45			65		
6	Kg7	Nc5	26	Kb8	Nc4	46			66		
7	Kf8	Kf6	27	Ka8	Ng5	47			67		
8	h5	Nf7	28	Kb8	Nh7	48			68		
9	h6	Nd6	29	Kh8	Ng5	49			69		
10	h7	Ng4	30	Kb8	Nc6	50			70		
11	Kg8	Nc7	31	Kh8	Nh5	51			71		
12	Kf6	Ng4	32	Kb8	Nh7	52			72		
13	Kg8	Nf7	33	Nh5	Ka8	53			73		
14	h7	Nf8	34			54			74		
15	Kh7	Nf7	35			55			75		
16	Kg8	Nd8	36			56			76		
17	Kh7	Nc4	37			57			77		
18	Kh6	Kf5	38			58			78		
19	Kh5	Ng4	39			59			79		
20	Kh4	Kf6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Piel Jaymied				S. Charvin				Can			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8.24

Group

B16

Round

5

Board

4

WHITE						FED		RESULT (W)			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Rohson						Hkg		1/2			
Erdene						MGL		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qd3	Qd3	41			61		
2	Nf3	d5	22	Kd3	Rc8	42			62		
3	e5	c5	23	g5	Kf8	43			63		
4	c3	Nc6	24			44			64		
5	Nag3	Bd7	25			45			65		
6	Ne2	Rc8	26			46			66		
7	-d4	Nge7	27			47			67		
8	Bd3	cd	28			48			68		
9	cd	Nf5	29			49			69		
10	g4	Nh4	30			50			70		
11	Bd2	Nf3	31			51			71		
12	Qf3	Qb6	32			52			72		
13	Qe3	Nb4	33			53			73		
14	Nb4	Bb4	34			54			74		
15	b3	Ba3	35			55			75		
16	Rb1	Bb4	36			56			76		
17	Bb4	Qb4	37			57			77		
18	Ke2	Bb5	38			58			78		
19	Rhc1	Qd	39			59			79		
20	Bb5	Qb5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Rohson			nuurel			Cui					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8.24

Group

B16

Round

5

Board

4

WHITE LI						FED HONGKONG CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Dymovskiy						FED MGL			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4..	e6	21	Qd3..	Qd3	41			61		
2	Nf3..	d5	22	Kd3..	Rc8	42			62		
3	e5..	~~d5~~ c5..	23	g5..	Kf8	43			63		
4	c3..	Nc6	24		Kf2	44			64		
5	Na3..	Bd7	25			45			65		
6	Nce	Rc8..	26			46			66		
7	^{d4} e5..	Nge7	27			47			67		
8	Bd3..	cl.	28			48			68		
9	cl..	Nf5	29			49			69		
10	g4..	Nh4..	30			50			70		
11	Bd4	Nxg5	31			51			71		
12	Qxf3	Qb6	32			52			72		
13	Qe3..	Nb4..	33			53			73		
14	Nxb4..	Bxb4	34			54			74		
15	Q3..	Ba3	35			55			75		
16	Rb1..	Bb4	36			56			76		
17	Bxb4..	~~Qb4~~ Qb4	37			57			77		
18	Rf2..	Bb5	38			58			78		
19	Rbcl	QO.	39			59			79		
20	Bxb5	Qxb5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Rohson			SIGNATURE (BLACK) nuoree.			SIGNATURE (ARBITER) Cui					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24.8.26

Group U16

Round 5

Board 5

WHITE Zhou, Tony						FED HKG			RESULT (W) 1/2		
BLACK Hein Myat Thu						FED MYA			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21			41			61		
2	c4	c6	22			42			62		
3	Nc3	d5	23			43			63		
4	e3	e6	24			44			64		
5	b3	Bd6	25			45			65		
6	Bb2	Nbd7	26			46			66		
7	Qc2	Qe7	27			47			67		
8	Be2	e5	28			48			68		
9	cxd5	Nxd5	29			49			69		
10	Ne4	Bc7	30			50			70		
11	Ng3	O-O	31			51			71		
12	O-O	h6	32			52			72		
13	d4	Re8	33			53			73		
14	Nf5	Qec6	34			54			74		
15	dxe5	Nxe5	35			55			75		
16	Nfe4	Qe7	36			56			76		
17	Rfd1	Ng4	37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Tony			Hein Myat Thu			Cari					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group U16

Round 5

Board 5

WHITE Zhou, Tony						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK Hein Myat Thu						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21			41			61		
2	c4	c6	22			42			62		
3	Nc3	d5	23			43			63		
4	e3	e6	24			44			64		
5	b3	Bd6	25			45			65		
6	Bb2	Nbd7	26			46			66		
7	Qc2	Qe7	27			47			67		
8	Be2	e5	28			48			68		
9	cd	Nd5	29			49			69		
10	Ne4	Bc7	30			50			70		
11	Ng3	O-O	31			51			71		
12	O-O	h6	32			52			72		
13	d4	Re8	33			53			73		
14	Nf5	Qec6	34			54			74		
15	dxe5	Nxe5	35			55			75		
16	Nfe4	Qe7	36			56			76		
17	Rfd1	Ng4	37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Tony			Hein Myat Thu			Cari					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group B16

Round 5

Board 6

WHITE Zhao, Tsz Ham						FED			RESULT(W) 0		
BLACK Sun, Chang-Jyu						FED			RESULT(B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd1	a6	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rd4	Rc8	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Nd6	Bh3	43			63		
4	c3	Nf6	24	f1	R1	44			64		
5	d4	e4	25	Rc1	rd8	45			65		
6	cd4	Bd4	26	h1	RC8	46			66		
7	Bd4	Nc4	27	RC3	R1	47			67		
8	Bd4	Nb4	28	Na8	R7	48			68		
9	Bf1	g7	29	RC4	Bd4	49			69		
10	Qb3	Kf8	30	-f3	Bf5	50			70		
11	Qd4	Qe7	31	Rb6	RC5	51			71		
12	Qe7	RC7	32	RC3	h5	52			72		
13	Nc3	Nc5	33	Rb4	RC	53			73		
14	bc3	d6	34	c5	h4	54			74		
15	Ce5	RC8	35	RC	RC	55			75		
16	RC2	RC6	36	d6	h3	56			76		
17	h3	Bf1	37	Rd1	RC3	57			77		
18	Nd4	RC4	38	RC4	h2	58			78		
19	Nb5	RC8	39	RC4	RC3	59			79		
20	C4	Bg4	40	RC3	h1=Q	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhao Tsz Ham			Sun Chang Jyu			C. M.					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group B16

Round 5

Board 06

WHITE Zhao, Tsz Ham						FED			RESULT(W) 0		
BLACK Sun, Chang-Jyu						FED			RESULT(B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd1	a6	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Nd4	Rc8	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Ne6	Bh3	43			63		
4	c3	Nf6	24	Nc7	Re1	44			64		
5	d4	ed1	25	Re1	Rd8	45			65		
6	cd1	SB6	26	Rb1	Bg4	46			66		
7	Bd2	Ne4	27	Ke3	Rd7	47			67		
8	Bb4	Nb4	28	Na8	Re7	48			68		
9	Bf7	Kf7	29	Kd2	Bg4	49			69		
10	Qb3	Kf8	30	f3	Bf5	50			70		
11	Qd4	Qe7	31	Rb6	RC5	51			71		
12	Qe7	Kxe7	32	Kc3	h5	52			72		
13	Nc3	Nc5	33	Rb2	Kf4	53			73		
14	bc3	d6	34	c5	h4	54			74		
15	d5	Re8	35	c6	bc	55			75		
16	Kd2	Kf6	36	dc	RC3	56			76		
17	h3	Bf5	37	RC1	Rd7	57			77		
18	Nd4	RC4	38	Kd2	RC2	58			78		
19	Nb5	RC8	39	Kd2	RC2	59			79		
20	C4	Bg2	40	Kd2	RC2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhao Tsz Ham			Sun Chang Jyu			C. M.					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 7

Group

B16

Round

05

Board

7

WHITE Thiraf As Syahsyah Syaktish						FED INA		RESULT (W) 0.5			
BLACK Wei Yuren						FED CHN		RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf4	Qf	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Nf3	Qh6	42			62		
3	Bc4	Nf6	23	Bd2	Bc5	43			63		
4	d3	h6	24	Rc4	f6	44			64		
5	O-O	d6	25	b4	Nb7	45			65		
6	C3	g6	26	Ba6	Rd8	46			66		
7	Nbd2	Bb7	27	Nh2	Kg7	47			67		
8	Bb3	O-O	28	Qf3	Rh8	48			68		
9	Re1	Nh5	29	Bb7	Rb7	49			69		
10	Nf1	Qf6	30	C4	Q5	50			70		
11	Be3	Nf4	31	Rb1	Rh8	51			71		
12	h3	Nas	32	b5	Rh8	52			72		
13	Bc2	Bc6	33	Rb3	Qh5	53			73		
14	b3	Rd8	34	Ng4	Bd4	54			74		
15	d4	c5	35	Bc3	Bc3	55			75		
16	Ng3	b6	36	Rc3	Qg6	56			76		
17	Qd5	Bd7	37	Rc2	Rc8	57			77		
18	Nh2	h5	38	Re2	Bc3	58			78		
19	Bc3	h4	39			59			79		
20	Ne2	Qg5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Wei Yuren			Cm					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B16

Round

04

Board

7

WHITE Thiraf As Syahsyah Syaktish						FED INA		RESULT (W) 1/2			
BLACK Wei Yuren						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nf4	Qf4	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Nf3	Qh6	42			62		
3	Bc4	Nf6	23	Bd2	Bc5	43			63		
4	d3	h6	24	Rc1	f6	44			64		
5	O-O	d6	25	b4	Nb7	45			65		
6	C3	g6	26	Ba6	Rd8	46			66		
7	Nbd2	Bb7	27	Nh2	Kg7	47			67		
8	Bb3	O-O	28	Qf3	Rh8	48			68		
9	Re1	Nh5	29	Bb7	Rb7	49			69		
10	Nf1	Qf6	30	C4	Q5	50			70		
11	Be3	Nf4	31	Rb1	Rh8	51			71		
12	h3	Nas	32	b5	Rh8	52			72		
13	Bc2	Bc6	33	Rb3	Qh5	53			73		
14	b3	Rd8	34	Ng4	Bd4	54			74		
15	d4	c5	35	Bc3	Bc3	55			75		
16	Ng3	b6	36	Rc3	Qg6	56			76		
17	Qd5	Bd7	37	Rc2	Rc8	57			77		
18	Nh2	h5	38	Rc2	Bc3	58			78		
19	Bc3	h4	39			59			79		
20	Ne2	Qg5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Wei Yuren			Cm					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group B16

Round 5

Board 8

WHITE Miao Zixin						FED		RESULT(W) 1			
BLACK Baasangombo Bayartogtoh						FED		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rf4	Ne5	41			61		
2	o4	eb	22	Be3	de	42			62		
3	g3	as	23	as	Qh6	43			63		
4	d5	ed	24	Qe3	Qe3	44			64		
5	cd	db	25	Re3	Re8	45			65		
6	Nc3	Be7	26	Kf3	Ne8	46			66		
7	Bg2	O-O	27	Wa4	db	47			67		
8	Nf3	Bf5	28	Nc5	Rab8	48			68		
9	Nd2	Qd7	29	Neb	Rd7	49			69		
10	a4	ab	30	Rc1	Ndb	50			70		
11	O-O	Bh3	31	Ne5	fe	51			71		
12	e4	Bd8	32	Nc1	Rc8	52			72		
13	Nc4	Re8	33	Rec3		53			73		
14	Re1	Bg2	34			54			74		
15	Kj2	Bc7	35			55			75		
16	f4	Qg4	36			56			76		
17	Qd3	Nb7	37			57			77		
18	Bd2	Qob	38			58			78		
19	h3	h5	39			59			79		
20	f5	Qh7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Miao			Baasangombo			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.07.24

Group B16

Round 5

Board 8

WHITE Miao, Zixin						FED CHN		RESULT(W) 1			
BLACK Baasangombo						FED MGL		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rf4	Ne5	41			61		
2	o4	eb	22	Be3	de	42			62		
3	g3	as	23	as	Qh6	43			63		
4	d5	ed	24	Qe3	Qe3	44			64		
5	cd	db	25	Re3	Re8	45			65		
6	Nc3	Be7	26	Kf3	Ne8	46			66		
7	Bg2	O-O	27	Wa4	db	47			67		
8	Nf3	Bf5	28	Nc5	Rab8	48			68		
9	Nd2	Qd7	29	Neb	Rd7	49			69		
10	a4	ab	30	Rc1	Ndb	50			70		
11	O-O	Bh3	31	Ne5	fe	51			71		
12	e4	Bd8	32	Nc1	Rc8	52			72		
13	Nc4	Re8	33	Rec3		53			73		
14	Re1	Bg2	34			54			74		
15	Kj2	Bc7	35			55			75		
16	f4	Qg4	36			56			76		
17	Qd3	Nb7	37			57			77		
18	Bd2	Qob	38			58			78		
19	h3	h5	39			59			79		
20	f5	Qh7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Miao			Baasangombo			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24.8.26

Group B16
Round 5
Board 9

WHITE Krishiv Shah												FED HKG	RESULT (W) 1/2
BLACK Chang Chung Min												FED TPE	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Nxe3	Na5	41			61				
2	Nf3	Nc6	22	Qd2	Nc4	42			62				
3	d4	cxd4	23	Nxc4	Bxc4	43			63				
4	Nxd4	Nf6	24	~~Nxc4~~ b3	Be6	44			64				
5	Nc3	d6	25	Ke2	Qc8	45			65				
6	Bg5	es	26	Rg1	~~Rg8~~	46			66				
7	Ndb5	q6	27	g5	fs	47			67				
8	Na3	b5	28	exf5	Bxf5	48			68				
9	Bxf6	gxf6	29	Bg4	Bg4	49			69				
10	Nd5	Bg7	30	Rxg4	Rg6	50			70				
11	Bd3	Be6	31	Rg3	Rxh4	51			71				
12	Ne3	Rc8	32	Qd5	Rf4	52			72				
13	c3	h5	33	~~Qd5~~ fdd3	Qf5	53			73				
14	Nc2	Qc1	34	fdf3	Rxf3	54			74				
15	h4	Kd7	35	Rxf3	Qc2	55			75				
16	Be2	Rh7	36			56			76				
17	Bxh5	Rch8	37			57			77				
18	g4	Bnb	38			58			78				
19	Qf3	Ke7	39			59			79				
20	Rd1	Bxh3	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE) K				SIGNATURE (BLACK) ming				SIGNATURE (ARBITER) Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group B16
Round 5
Board 9

WHITE Shah Krishiv												FED HKG	RESULT (W) 1/2
BLACK Chang Chung Min												FED TPE	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Nxe3	Na5	41			61				
2	Nf3	Nc6	22	Qd2	Nc4	42			62				
3	Qd4	cxd4	23	Nxc4	Bxc4	43			63				
4	Nxd4	Nf6	24	b3	Be6	44			64				
5	Nc3	d6	25	Ke2	Qc8	45			65				
6	Bg5	es	26	Rg1	Rg8	46			66				
7	Nb5	a6	27	g5	fs	47			67				
8	Na3	b5	28	exf5	exf5	48			68				
9	Bxf6	gxf6	29	Bg4	Bg4	49			69				
10	Nd5	Bg7	30	Rxg4	Rg6	50			70				
11	Bd3	Be6	31	Rg3	Rxh4	51			71				
12	Ne3	Rc8	32	Qd5	Rf4	52			72				
13	c3	h5	33	Rdd3	Qf5	53			73				
14	Nc2	Qc1	34	Rdf3	Rxf3	54			74				
15	h4	Kd7	35	~~Qc2~~	Qc2	55			75				
16	Be2	Rh7	36			56			76				
17	Bxh5	Rch8	37			57			77				
18	g4	Bh6	38			58			78				
19	Qf3	Ke7	39			59			79				
20	Rd1	Bxe3	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE) K				SIGNATURE (BLACK) ming				SIGNATURE (ARBITER) Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group 516
Round 5
Board 10

WHITE BYUN JUN SEOK						FED		RESULT (W) 1			
BLACK Gao Shanglin						FED		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	h4	h6	41	Kh3		61		
2		g3	22		ed	42			62		
3	bg2	nh6	23	bd3	nc7	43			63		
4		nf3	24		qdz	44			64		
5	0-0	0-0	25	gah3	ap	45			65		
6		b3	26		re9	46			66		
7	bb2	d5	27	ab	rb7	47			67		
8		cd	28		rde	48			68		
9	d4	b6	29	qf3	kg7	49			69		
10		nc3	30		bcl	50			70		
11	qc2	bb6	31	re8	rbd7	51			71		
12		dc	32		gfp	52			72		
13	rad1	ra7	33	hg	res	53			73		
14		ng4	34		atp	54			74		
15	nd5	nbh7	35	gah4	kab6	55			75		
16		nhh7	36		res	56			76		
17	hde1	h6	37	h2	rh3	57			77		
18		re9	38		bdp	58			78		
19	bdp	qbb	39	kg2	rb7	59			79		
20		e3	40		be3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8/24

Group 016
Round 5
Board 10

WHITE BYUN JUNSEOK						FED		RESULT (W) 1			
BLACK Gao Shanglin						FED		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	h4	h6	41	Kh3		61		
2	q3	d5	22	exd4	cxh4	42			62		
3	Bb2	Nf6	23	Bd3	Rc7	43			63		
4	Nf3	Be7	24	Qd2	Bb3	44			64		
5	0-0	0-0	25	Qxh3	a4	45			65		
6	b3	a5	26	Re4	axb3	46			66		
7	Bb2	c5	27	axb3	Rb7	47			67		
8	cxh5	exh5	28	Rde1	Qb6	48			68		
9	d4	b6	29	Qf3	ka7	49			69		
10	nc3	re8	30	Bc1	h5	50			70		
11	qc2	ba6	31	re8	Rbd7	51			71		
12	dxh5	bxh5	32	Qf4	Qf5	52			72		
13	Rad1	Ra7	33	hxh5	res	53			73		
14	Nb5	d4	34	Qxh6	Qxh6	54			74		
15	nd5	Nbd7	35	Qxh6	hxh6	55			75		
16	Nxh6	Nxh6	36	res	Rb7	56			76		
17	Rfcl	h6	37	Bb2	Rb3	57			77		
18	Ne4	Nxe4	38	Bxh4	ke5	58			78		
19	Bxe4	Qb6	39	ka2	Rb7	59			79		
20	e3	Rd8	40	Bc3	Rb5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-24

Group V16
Round 5
Board 11

WHITE Demos Jenci Rehann						FED PHI			RESULT(W) 0		
BLACK yang Ya cheng						FED TPE			RESULT(B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Qc4	Ra8	41	Rxd3	Rxd3	61	Ka3	g3
2	Nc3	Nf6	22	Rhd1	d3	42	Rxd3	Rxd3	62	Ka2	g2
3	g3	d5	23	f1	Qc6	43	lxd3	lxb6	63	ka3	g1=R
4	cxg5	Nxg5	24	lga	Rd6	44	lcl4	lcs	64	ka2	f5
5	Bf2	Nc7	25	Rhe1	b5	45	d4	Ke4	65	ka3	pa/p
6	Qb3	Nc6	26	Qc3	Qe4	46	d5	Kes	66		
7	h4	e4	27	Qxc5	Qxf3	47	e4	Kes	67		
8	e3	Be1	28	lxb3	Rf6	48	d6	Kes	68		
9	a3	a0	29	kg2	Bxg5	49	d1	Kd6	69		
10	Qc2	Res	30	b4	Bb3	50	b5	lxd7	70		
11	Nf3	h6	31	Rg1	Rg8	51	Kd5	Bf2	71		
12	b3	Bc6	32	Rc3	Kf8	52	h5	Bb6	72		
13	Bg3	Bxh3	33	a4	bxa4	53	Kc4	Kd6	73		
14	Rxh3	Bf8	34	Rxb9	Rf5	54	lxb4	Kd5	74		
15	Bb2	Nd5	35	g4	Rb5	55	Kb3	lcl6	75		
16	Ne4	Nf6	36	f4	Ke4	56	ka9	lcl4	76		
17	Ke2	Nxg4	37	lfs	Rbb5	57	g5	f7	77		
18	Qxe4	Nd4	38	Ke4	Rd1	58	ka3	lcl3	78		
19	Bxd4	exd4	39	Ra3	f6	59	ka2	g4	79		
20	Qd3	Qb6	40	f4	Rd5	60	f6	gxb6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-24

Group V16
Round 5
Board 11

WHITE Demos Jenci Rehann P.						FED PHI			RESULT(W) 0		
BLACK Yang Ya-Cheng						FED TPE			RESULT(B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Qc4	Ra8	41	Rxd3	Rxd3	61	Ka3	g3
2	Nc3	Nf6	22	Rhl	d3	42	Rxd3	Rxd3	62	Ka2	g2
3	g3	d5	23	Kf1	Qc6	43	Kxd3	Kd6	63	Ka3	g1=R
4	cxg5	Nxg5	24	kg2	Rd6	44	Kcl	Kes	64	Ka3	f5
5	Bg2	Nc7	25	Rhe1	b5	45	d4	Kcl	65	Ka3	Ra1#
6	Qb3	Nc6	26	Qc3	Qe4	46	d5	Kes	66		
7	h4	e5	27	Qxc5	Qxf3	47	e4	Kxcl	67		
8	e3	Be1	28	Kxf3	Rf6	48	d6	Kes	68		
9	a3	0-0	29	kg2	Bxg5	49	d7	Kd6	69		
10	Qc2	Res	30	b4	Bb6	50	b5	Kd7	70		
11	Nf3	h6	31	Rcl	Rd8	51	Kd5	Bf2	71		
12	b3	Bc6	32	Rc3	Kf8	52	h5	Bb6	72		
13	Bg3	Bxh3	33	a4	bxa4	53	Kc4	Kd6	73		
14	Rxh3	Bf8	34	Rxb9	Rf5	54	lxb4	Kd5	74		
15	Bb2	Nd5	35	g4	Rb5	55	Kb3	Kes	75		
16	Ne4	Nf6	36	f4	Ke4	56	ka9	Kcl	76		
17	Ke2	Nxg4	37	lfs	Rbb5	57	g5	f7	77		
18	Qxe4	Nd4	38	Ke4	Rd1	58	ka3	lcl3	78		
19	Bxd4	exd4	39	Ra3	f6	59	ka2	g4	79		
20	Qd3	Qb6	40	f4	Rd5	60	f6	gxb6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

12

WHITE Lin Fung Ming Mathew						FED			RESULT (W)		
BLACK Li Fei Yat						FED			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nxg6	Qxg6	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	b5	axb5	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	axb5	Ne7	43			63		
4	c3	Nf6	24	Qe4	Ng6	44			64		
5	d3	0-0	25	Qxb7	Qd8	45			65		
6	b4	Be7	26	c4	Rb8	46			66		
7	a4	ab	27	Qe4	Qf6	47			67		
8	0-0	d5	28	Ne5	Re8	48			68		
9	exd5	Nxd5	29	Ng4	Qe6	49			69		
10	h3	Be6	30	Qxe6	fxe6	50			70		
11	Re1	Bd6	31	b6	h5	51			71		
12	Qb3	Nf4	32	Ne5	Nxe5	52			72		
13	Bxf4	Bxc4	33	Rxe5	g6	53			73		
14	Jxc4	exf4	34	b7	Kf7	54			74		
15	c5	Be7	35	c6	Kf6	55			75		
16	Nd2	Re8	36	Ra5		56			76		
17	Qc4	Bf6	37			57			77		
18	Rxe8	Qxe8	38			58			78		
19	Re1	Qd7	39			59			79		
20	Ne4	Qf5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Mathew			Li Fei Yat			Cw					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

12

WHITE Lin Fung Ming Mathew						FED HKG			RESULT (W)		
BLACK Li Fei Yat						FED HKG			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Nt6	Qxg6	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	b5	axb5	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	ab	Ne7	43			63		
4	c3	Nf6	24	Qe4	Ng6	44			64		
5	d3	0-0	25	Qxb7	Qd8	45			65		
6	b4	Be7	26	c4	Rb8	46			66		
7	a4	ab	27	Qe4	Qf6	47			67		
8	0-0	d5	28	Ne5	Re8	48			68		
9	cd1	Nd5	29	Ng4	Qe6	49			69		
10	h3	Be6	30	Qxe6	fxe6	50			70		
11	Re1	Bd6	31	b6	h5	51			71		
12	Qb3	Nf4	32	Ne5	Nxe5	52			72		
13	Bxf4	Bxc4	33	Rxe5	g6	53			73		
14	Jxc4	exf4	34	b7	Kf7	54			74		
15	c5	Be7	35	c6	Kf6	55			75		
16	Nd2	Re8	36	Ra5		56			76		
17	Qc4	Bf6	37			57			77		
18	Rxe8	Qxe8	38			58			78		
19	Re1	Qd7	39			59			79		
20	Ne4	Qf5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Mathew			Li Fei Yat			Cw					